

Số: 20 /BC-TCT

Bình Định, ngày 17 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, nhiệm vụ thuộc Chương trình công tác trọng tâm năm 2024 và nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao tính đến tháng 02/2024

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Quy chế hoạt động của Tổ công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được ban hành theo Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là “Tổ công tác”);

Tổ công tác báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, nhiệm vụ thuộc Chương trình công tác trọng tâm năm 2024 và nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao (tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/3/2024), cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đối với nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Tổ công tác đã cập nhật và được Văn phòng Chính phủ phê duyệt hoàn thành đối với **02/19 nhiệm vụ** do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu theo dõi của Văn phòng Chính phủ, không có nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành.

2. Đối với nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương

2.1. Đối với nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 theo Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Tính đến hết tháng 02/2024, tổng số nhiệm vụ trọng tâm Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị là **105 nhiệm vụ**, bao gồm: **64** nhiệm vụ theo tháng (có 36 nhiệm vụ trong tháng 02 năm 2024) và **41** nhiệm vụ theo quý I, kết quả thực hiện như sau:

a) **Nhiệm vụ tháng:** tổng số **64** nhiệm vụ, bao gồm:

- 63 nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn (đạt tỷ lệ 98%);
- 01 nhiệm vụ quá hạn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể nhiệm vụ “*Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới*”

hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh”, hạn xử lý trong tháng 02 năm 2024.

Tiến độ thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang tổng hợp ý kiến các ngành.

b) Nhiệm vụ quý I: tổng số **41** nhiệm vụ, bao gồm:

- 10 nhiệm vụ hoàn thành trước hạn (đạt tỷ lệ 24,4%);
- 31 nhiệm vụ đang xử lý trong hạn.

(Có Phụ lục 1 Tổng hợp tình hình thực hiện công tác trọng tâm năm 2024).

2.2. Đối với nhiệm vụ thường xuyên được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao

Tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 29/02/2024, tổng số nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho **43** cơ quan, đơn vị, địa phương là **797** nhiệm vụ. Kết quả thực hiện như sau:

(i) Đã hoàn thành **358** nhiệm vụ (đạt tỷ lệ **44,9%**). Trong đó:

- Xử lý hoàn thành trước/đúng hạn **329** nhiệm vụ (đạt tỷ lệ **91,8%**).
- Xử lý hoàn thành trễ hạn **29** nhiệm vụ (chiếm tỷ lệ **8,2%**).

(ii) Đang xử lý **439** nhiệm vụ (trong đó có **432** nhiệm vụ còn **trong hạn** và **07** nhiệm vụ **đã quá hạn còn tồn đọng**).

(iii) Trong số **07** nhiệm vụ đã quá hạn còn tồn đọng, **cấp tỉnh** còn tồn đọng **01** nhiệm vụ và **cấp huyện** còn tồn đọng **05** nhiệm vụ.

Ngoài ra, còn **492 nhiệm vụ** đang xử lý trong năm 2023 chuyển sang năm 2024.

(Chi tiết tại Phụ lục 2A và Phụ lục 2B kèm theo)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đối với nhiệm vụ theo Chương trình công tác trọng tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2024, hầu hết các cơ quan, đơn vị đã khẩn trương, nghiêm túc tổ chức, triển khai thực hiện hiệu quả, đã hoàn thành 63/64 nhiệm vụ theo tháng; có 07 cơ quan¹ đã hoàn thành 10 nhiệm vụ trọng tâm của Quý I, đáng chú ý Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thành xong nhiệm vụ Quý I.

2. Đối với nhiệm vụ thường xuyên do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao mặc dù tỷ lệ nhiệm vụ quá hạn, còn tồn đọng thấp (07 nhiệm vụ, chiếm tỷ lệ 1,5%), tuy nhiên, khối lượng nhiệm vụ đang xử lý còn rất lớn (trong đó, năm 2023 còn 492 nhiệm vụ, năm 2024 còn 432 nhiệm vụ).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để kịp thời giải quyết hoàn thành các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, Tổ công tác đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương:

¹ Các Sở: Du lịch 01 nhiệm vụ, Giáo dục và Đào tạo 01 nhiệm vụ, Kế hoạch và Đầu tư 02 nhiệm vụ, Lao động – Thương binh và Xã hội 02 nhiệm vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 01 nhiệm vụ, Tài nguyên và Môi trường 01 nhiệm vụ và Thanh tra tỉnh 02 nhiệm vụ.

1. Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh (qua Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) rà soát, cập nhật kết quả thực hiện **492 nhiệm vụ** thường xuyên do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong năm 2023 như nêu trên để đồng bộ trạng thái hoàn thành nhiệm vụ trên công cụ theo dõi của tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động rà soát, phối hợp chặt chẽ, giải quyết kịp thời các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng, nhất là các nhiệm vụ thuộc Chương trình công tác trọng tâm năm 2024 và kịp thời báo cáo, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh, tránh tình trạng để khó khăn, vướng mắc tồn đọng kéo dài nhưng không có sự trao đổi, báo cáo đề xuất.

Tổ công tác kính báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- TCT của CT UBND tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, BTCD, HCTC;
- HS TCT của CT UBND tỉnh (NTKC);
- Lưu: VT, KSTT^(N).

TỔ TRƯỞNG



**CHÁNH VĂN PHÒNG
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Lê Ngọc An**

Phụ lục 1

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM CÔNG TÁC TRỌNG TÂM NĂM 2024

(Theo Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

(Thời điểm cập nhật đến ngày 29/2/2024)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-TCT ngày /3/2024 của Tổ Công tác Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số nhiệm vụ giao	Nhiệm vụ theo tháng					Nhiệm vụ theo Quý					Nhiệm vụ theo Năm				
			Tổng số	Hoàn thành		Đang xử lý		Tổng số	Hoàn thành		Đang xử lý		Tổng số	Hoàn thành		Đang xử lý	
				Trong hạn	Trễ hạn	Trong hạn	Quá hạn		Trong hạn	Trễ hạn	Trong hạn	Quá hạn		Trong hạn	Trễ hạn	Trong hạn	Quá hạn
1	Ban Dân tộc	19	12	2	0	0	0	6	0	0	0	0	1	0	0	0	0
2	Ban quản lý Khu kinh tế	19	14	3	0	0	0	4	0	0	0	0	1	0	0	0	0
3	Sở Công thương	22	16	3	0	0	0	5	0	0	0	0	1	0	0	0	0
4	Sở Du lịch	28	16	1	0	0	0	8	1	0	0	0	4	0	0	0	0
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	40	23	4	0	0	0	15	1	0	0	0	2	0	0	0	0
6	Sở Giao thông vận tải	41	19	6	0	0	0	18	0	0	0	0	4	0	0	0	0
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	29	17	2	0	0	0	9	2	0	0	0	3	0	0	0	0
8	Sở Khoa học và Công nghệ	21	13	3	0	0	0	5	0	0	0	0	3	0	0	0	0
9	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	35	19	5	0	0	0	12	2	0	0	0	4	0	0	0	0
10	Sở Ngoại vụ	19	12	2	0	0	0	5	0	0	0	0	2	0	0	0	0
11	Sở Nội vụ	21	15	2	0	0	0	4	0	0	0	0	2	0	0	0	0
12	Sở Nông nghiệp và PTNT	29	16	2	0	0	1	7	1	0	0	0	6	0	0	0	0
13	Sở Tài chính	30	22	3	0	0	0	6	0	0	0	0	2	0	0	0	0
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	22	14	2	0	0	0	5	1	0	0	0	3	0	0	0	0
15	Sở Thông tin và Truyền thông	23	15	3	0	0	0	4	0	0	0	0	4	0	0	0	0
16	Sở Tư pháp	24	19	5	0	0	0	4	0	0	0	0	1	0	0	0	0

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số nhiệm vụ giao	Nhiệm vụ theo tháng					Nhiệm vụ theo Quý					Nhiệm vụ theo Năm				
			Tổng số	Hoàn thành		Đang xử lý		Tổng số	Hoàn thành		Đang xử lý		Tổng số	Hoàn thành		Đang xử lý	
				Trong hạn	Trễ hạn	Trong hạn	Quá hạn		Trong hạn	Trễ hạn	Trong hạn	Quá hạn		Trong hạn	Trễ hạn	Trong hạn	Quá hạn
17	Sở Văn hóa Thể thao	62	25	5	0	0	0	22	0	0	0	0	15	0	0	0	0
18	Sở Xây dựng	35	18	3	0	0	0	13	0	0	0	0	4	0	0	0	0
19	Sở Y tế	45	23	4	0	0	0	12	0	0	0	0	10	0	0	0	0
20	Thanh tra tỉnh	21	12	2	0	0	0	8	2	0	0	0	1	0	0	0	0
21	Văn phòng UBND tỉnh	12	5	1	0	0	0	4	0	0	0	0	3	0	0	0	0
	TỔNG	597	345	63	0	0	1	176	10	0	0	0	76	0	0	0	0

Phụ lục 2A
THỐNG KÊ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO
(Tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 29/02/2024)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-TCT ngày /3/2024 của Tổ Công tác Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị thực hiện	Tính từ ngày 01/01/2024 đến 29/02/2024							Nhiệm vụ năm 2023 đang tiếp tục xử lý
		Tổng số nhiệm vụ giao	Đang xử lý			Đã hoàn thành			
			Trong hạn	Đã quá hạn	Tổng cộng	Trong hạn	Trễ hạn	Tổng cộng	
1	Ban Dân tộc	5	3	0	3	2	0	2	15
2	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	10	3	0	3	7	0	7	10
3	Ban QLDA Dân Dựng và Công Nghiệp	1	1	0	1	0	0	0	7
4	Ban Quản Lý Giao Thông tỉnh	8	1	0	1	7	0	7	7
5	Ban Quản lý Dự án NN và PTNT tỉnh	4	4	0	4	0	0	0	7
6	Ban quản lý Khu kinh tế	11	6	0	6	5	0	5	22
7	Bảo hiểm xã hội tỉnh	1	0	0	0	1	0	1	3
8	Công an tỉnh	21	16	0	16	5	0	5	15
9	Cục hải quan tỉnh	4	3	0	3	0	1	1	1
10	Cục Thi hành án dân sự	0	0	0	0	0	0	0	2
11	Cục thống kê tỉnh	4	1	0	1	3	0	3	9
12	Cục thuế tỉnh	4	3	0	3	1	0	1	5
13	Kho bạc nhà nước tỉnh	2	2	0	2	0	0	0	1
14	Ngân hàng nhà nước tỉnh	3	2	0	2	1	0	1	1
15	Sở Công thương	14	13	1	14	0	0	0	16
16	Sở Du lịch	5	1	0	1	3	1	4	2
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	23	20	0	20	3	0	3	34
18	Sở Giao thông vận tải	17	6	0	6	10	1	11	9
19	Sở Kế hoạch và Đầu tư	57	27	0	27	28	2	30	55

STT	Đơn vị thực hiện	Tính từ ngày 01/01/2024 đến 29/02/2024							Nhiệm vụ năm 2023 đang tiếp tục xử lý
		Tổng số nhiệm vụ giao	Đang xử lý			Đã hoàn thành			
			Trong hạn	Đã quá hạn	Tổng cộng	Trong hạn	Trễ hạn	Tổng cộng	
20	Sở Khoa học và Công nghệ	16	8	0	8	7	1	8	24
21	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	18	6	0	6	12	0	12	48
22	Sở Nội vụ	44	12	0	12	32	0	32	13
23	Sở Nông nghiệp và PTNT	28	7	0	7	18	3	21	3
24	Sở Ngoại vụ	24	13	0	13	10	1	11	5
25	Sở Tài chính	96	61	0	61	35	0	35	54
26	Sở Tài nguyên và Môi trường	66	40	0	40	20	6	26	17
27	Sở Tư pháp	13	0	0	0	13	0	13	3
28	Sở Thông tin và Truyền thông	27	14	0	14	11	2	13	46
29	Sở Văn hóa Thể thao	25	7	0	7	16	2	18	18
30	Sở Xây dựng	39	19	0	19	18	2	20	4
31	Sở Y tế	13	4	0	4	9	0	9	17
32	Thanh tra tỉnh	58	36	0	36	22	0	22	48
33	UBND huyện An Lão	3	3	0	3	0	0	0	3
34	UBND huyện Hoài Ân	16	10	0	10	5	1	6	9
35	UBND huyện Phù Cát	15	11	0	11	2	2	4	9
36	UBND huyện Phù Mỹ	12	11	0	11	1	0	1	17
37	UBND huyện Tây Sơn	7	6	0	6	1	0	1	6
38	UBND huyện Tuy Phước	11	8	0	8	3	0	3	5
39	UBND huyện Vân Canh	5	2	1	3	2	0	2	0
40	UBND huyện Vĩnh Thạnh	2	1	0	1	1	0	1	0
41	UBND thành phố Quy Nhơn	35	27	5	32	2	1	3	58
42	UBND thị xã An Nhơn	14	6	0	6	7	1	8	2
43	UBND thị xã Hoài Nhơn	16	8	0	8	6	2	8	0
	TỔNG	797	432	7	439	329	29	358	630

Phụ lục 2B
THỐNG KÊ 07 NHIỆM VỤ ĐÃ QUÁ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT NHƯNG CÒN TỒN ĐONG
(Tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 29/02/2024)
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-TCT ngày /3/2024 của Tổ Công tác Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Đơn vị thực hiện	Số, ký hiệu văn bản	Nội dung nhiệm vụ được giao	Ngày văn bản	Hạn xử lý
1	Sở Công thương	1153/UBND-KT	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Thông tư số 27/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	20/02/2024	28/02/2024
2	UBND huyện Vân Canh	170/UBND-KT	Về việc tổ chức thực hiện xác định ranh giới đất và lập hồ sơ quản lý dành cho đường sắt trên địa bàn tỉnh Bình Định	08/01/2024	21/01/2024
3	UBND TP. Quy Nhơn	170/UBND-KT	Về việc tổ chức thực hiện xác định ranh giới đất và lập hồ sơ quản lý dành cho đường sắt trên địa bàn tỉnh Bình Định	08/01/2024	21/01/2024
4	UBND TP. Quy Nhơn	863/UBND-KT	Về việc tập trung triển khai công tác giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đường Ngô Mây nối dài và khu tái định cư phục vụ đường Ngô Mây nối dài, thành phố Quy Nhơn	02/02/2024	26/02/2024
5	UBND TP. Quy Nhơn	42/TB-UBND	Ý kiến kết luận của đồng chí Phạm Anh Tuấn - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi họp chỉ đạo về tháo gỡ vướng mắc liên quan đến Dự án Hạ tầng Kỹ thuật Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	25/01/2024	20/02/2024
6	UBND TP. Quy Nhơn	228/UBND-TD	giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn Nghĩa; Tổ 9, khu vực 8, P. Nhơn Phú, Tp. Quy Nhơn	09/01/2024	31/01/2024
7	UBND TP. Quy Nhơn	01/PC-BTCD	V/v chuyển đơn của ông Nguyễn Đình Lân ở tổ 04, khu vực 8, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.	04/01/2024	31/01/2024